

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 29/2022/DS-ST

Ngày 12-7-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Đính và ông Y Dhiều Hmok.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2021/TLST-DS ngày 14/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-DS ngày 07/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Bình 1, xã Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Bà Phạm Thị H2 và ông Trần Văn T – Đều vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Bình a, xã Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Viết Tr – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Bình H, xã Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr: Bà Võ Thị Thu H1 – Có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, Ngõ Quốc C, phường Tân H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tr: Bà Võ Thị Thu H1 trình bày có nội dung:

Do quen biết với nhau nên ngày 13/02/2017 bà H cho bà H2 và ông T vay số tiền 60.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm giấy vay tiền, bà H2, ông T có ký vào mục đại diện bên mượn, thời hạn trả nợ vào ngày 13/11/2018, khi vay bà H2 và ông T không thể chấp tài sản, cũng không có ai đứng ra bảo lãnh cho bà H2 và ông T. Khi đến hạn bà H nhiều lần đòi nợ nhưng bà H2, ông T không trả mà cứ né tránh. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 và ông T trả số tiền đã vay là 60.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/ tháng tính từ ngày 13/02/2017 cho đến khi trả hết nợ.

Trong giấy vay tiền có ghi tên ông Lê Viết Tr, ông Tr là cH bà H, mặt khác việc vay tiền do bà H giao dịch trực tiếp với bà H2 và ông T vì vậy ông Tr thống nhất với việc khởi kiện của bà H và không có ý kiến gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị H2 và ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không có ý kiến, không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông T, bà H2 được.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị H2 phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 92.353.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi là 32.353.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn bà Phạm Thị H2 và ông Trần Văn T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị H2 và ông Trần Văn T là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:*

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX xét thấy: Vào ngày 13/02/2017 bà H cho bà H2 và ông T vay số tiền 60.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm giấy vay tiền, bà H2, ông T có ký vào mục đại diện bên mượn, thời hạn trả nợ vào ngày 13/11/2018. Khi đến hạn bà H nhiều lần đòi nợ nhưng bà H2, ông T không trả mà cứ né tránh. Vì vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H2 và ông T trả số tiền đã vay là 60.000.000 đồng và lãi suất 0,83%/ tháng tính từ ngày

13/02/2017 cho đến khi trả hết nợ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà H2 và ông T không đến Tòa án làm việc, Tòa án đã tiến hành thu thập tất cả các biện pháp để thu thập mẫu chữ ký của bà H2 và ông T tiến hành giám định nhưng chỉ thu thập được mẫu chữ ký chữ viết của bà H2, không thu thập được chữ ký, chữ viết của ông T.

Tại kết luận giám định số 52/KL-KTHS ngày 21/4/2022 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị H2 dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN MƯỢN” trên tài liệu giám định ký hiệu là A1 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phạm Thị H2 trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra.

Bà H2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, buộc bà H2 phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày vay đến ngày xét xử cụ thể: $60.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times (64 \text{ tháng} 29 \text{ ngày tính từ ngày } 13/02/2017 \text{ đến ngày } 12/7/2022) = 32.353.000 \text{ đồng}$. Buộc bà H2 phải trả cho bà H tổng số tiền 92.353.000 đồng là phù hợp Điều 357, Điều 468; Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3.2] Đối với việc bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy giấy vay tiền do các bên đương sự lập ngày 13/02/2017 không công chứng, chứng thực, trong quá trình giải quyết vụ án không thu thập được chữ ký, chữ viết của ông T để tiến hành giám định, mặt khác Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ cho thấy ông T và bà H2 sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không có căn cứ buộc ông T phải trả số tiền nêu trên và lãi suất cho bà H. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà H buộc ông T trả nợ.

[4] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà H2 và đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định là 3.200.000 đồng, đã chi phí cho việc giám định hết 3.200.000 đồng. Kết quả giám định kết luận chứng minh yêu cầu của bà H là có căn cứ nên bà H không phải chịu tiền chi phí giám định. Bà H2 phải chịu 3.200.000 đồng tiền chi phí giám định. Hoàn trả lại cho bà H số tiền 3.200.000 đồng sau khi thu được từ bà H2 là phù hợp với các Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn bà Phạm Thị H2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147; 159, 160, 161, 162; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1.1 Buộc bà Phạm Thị H2 phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 92.353.000 đồng [Trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi là 32.353.000 đồng].

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

1.2 Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về yêu cầu bị đơn ông Trần Văn T trả số tiền là 92.353.000 đồng [Trong đó nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi là 32.353.000 đồng].

2. Về chi phí giám định chữ ký: Bị đơn bà Phạm Thị H2 phải chịu 3.200.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng chi phí giám định chữ ký là 3.200.000 đồng sau khi thu được của bà Phạm Thị H2

3. Về án phí: Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.210.000 đồng theo biên lai thu số 0008389 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn bà Phạm Thị H2 phải chịu 4.617.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hường

